

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
<b>I</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ CỦA TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ</b>		
<b>I.1</b>	<b>Trang thiết bị phục vụ cán bộ</b>		
1	Máy tính để bàn	Bộ	3
-	Hệ điều hành Windows 11 Home bản quyền		
-	Vi xử lý: Intel® Core™ i5-14500 Processor 2.6GHz (24MB Cache, up to 5.0GHz, 14 cores, 20 Threads)		
-	Chipset Intel® B760 Chipset, đồng bộ thương hiệu		
-	Bộ nhớ trong (RAM): 16GB, khả năng nâng cấp RAM lên đến 128GB		
-	Ổ cứng (SSD): 512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD;		
-	Đồ họa (VGA): Intel® UHD Graphics 770		
-	Âm thanh (Audio): High Definition 7.1 Channel Audio		
-	Cổng kết nối Mặt sau: 1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA Port; 1x Displayport 1.4; 1x 7.1 channel audio (microphone, line-out, Line-in); 1x Kensington lock; 1x Padlock loop; 3x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x FLEX I/O port (HDMI 2.1 TMDS)		
-	Cổng kết nối Mặt trước: 1x Headphone; 1x 3.5 mm combo audio jack (Mic in or Headphone out); 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 2*2 Type-C		
-	Khe cắm mở rộng: 1x PCIe® 4.0 x 16; 2x PCIe® 3.0 x 1; 1x M.2 2230 connector for storage; 1x M.2 2280 connector for storage; 1x M.2 connector for WiFi; 4x DDR5 U-DIMM slot		
-	Kết nối mạng: 1x RJ45 Gigabit Ethernet		
-	Bảo Mật:		
+	Trusted Platform Module 2.0 (TPM 2.0);		
+	Chống mất cắp phần cứng với khe khóa Kensington Lock và Loop Lock;		
+	Tạo mật khẩu BIOS phân cấp Admin và User;		
+	Tạo mật khẩu OPAL để bảo vệ dữ liệu ổ cứng;		
+	Tính năng xóa toàn bộ dữ liệu ổ cứng không thể khôi phục chỉ trong một lần;		
+	Sử dụng danh các khóa và chữ ký để xác thực tính toàn vẹn hệ thống.;		
+	Hỗ trợ chống lại tấn công DMA (Direct Memory Access);		
+	Hỗ trợ chống can thiệp hoặc thay đổi trái phép firmware và BIOS. Hệ thống hiện cảnh báo khi phát hiện có sự thay đổi hoặc can thiệp. Những sự kiện firmware hoặc BIOS bị can thiệp sẽ được ghi lại trên Nhật ký hệ thống.;		
+	Có thể xem lại các sự kiện tại Nhật ký hệ thống từ trong BIOS để phân tích nguyên nhân lỗi.;		
+	Tự động phục hồi lại BIOS khi BIOS bị lỗi hoặc bị tấn công. Bản phục hồi BIOS được lưu trữ ẩn trong ổ cứng. Tính năng cho phép khôi phục hệ điều hành gốc của máy bằng bản cài được tải trực tiếp từ server của hãng sản xuất thông qua giao diện BIOS, đơn g		
-	Các tính năng AI		
+	Chạy phụ đề và phiên dịch ngoại ngữ trên màn hình		
+	Ghi chép đầy đủ và tóm tắt lại cuộc họp		
+	Hỗ trợ nhận diện và đặt tên nhiều giọng nói khác nhau		
+	Hỗ trợ hiện dấu mờ Bản quyền khi chia sẻ màn hình		
-	Chứng nhận Chứng nhận: Energy star 8.0, EPEAT Khác Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015, 14001:2015, IECQ QC 080000:2017 Certificate; ISO 45001:2018, ISO/IEC 27001:2013, Chuẩn độ bền quân đội Mỹ MIL-STD 810H		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Phụ kiện:chuột, bàn phím đồng bộ đi kèm		
2	Màn hình máy tính	Cái	3
-	Kích thước màn hình: 21.5 inch		
-	Độ phân giải Full HD (1920x1080); Tỷ lệ 16:9		
-	Độ sáng 250 cd/m <sup>2</sup>		
-	Màu sắc hiển thị 16.7 triệu màu;		
-	Độ tương phản 100.000.000: 1;		
-	Tần số quét 100Hz;		
-	Cổng kết nối HDMI, DSub (VGA);		
-	Thời gian đáp ứng 1ms; Góc nhìn 178 ° / 178 °;		
-	Tính năng:		
+	Công nghệ không theo dõi		
+	Công nghệ SPLendid		
+	8 Chế độ hiển thị		
+	Nhiệt độ màu Lựa chọn: Có (4 chế độ)		
+	HDCP: có		
+	Adaptive-Sync: có (48-100Hz)		
+	Bộ lọc ánh sáng xanh có thể điều chỉnh và công nghệ ASUS Flicker Free được chứng nhận từ TÜV Rheinland mang lại cảm giác tốt nhất cho mắt giảm mỏi và khô.		
3	Tủ đựng hồ sơ tài liệu	Cái	2
-	Chất liệu khung: MDF lõi xanh chống ẩm phủ Melamin 335EV.		
-	Kích thước: 400x2100mm		
-	Thi công lắp đặt hoàn thiện		
4	Máy in	Cái	6
-	Tốc độ in (A4): 30 trang / phút		
-	Độ phân giải: 2400 x 600 dpi		
-	Thời Gian In Ra Trang Đầu Tiên (Từ chế độ Sẵn Sàng): ≤ 8.5s		
-	Khay giấy vào: 250 tờ		
-	Khay giấy ra: 100 tờ		
-	Kích thước giấy: A4, Letter, A5, A5(Long Edge), A6		
-	Tốc độ bộ xử lý: 266 MHz		
-	Bộ nhớ: 32MB		
-	Màn hình hiển thị: 16 ký tự × 1 dòng		
-	Giao tiếp: HiSpeed USB 2.0, 10BASET / 100BASETX		
-	Khả Năng Tương Thích Hệ Điều Hành: Windows 7 SP1, 8, 8.1, 10, Server 2008, Server 2008 R2, Server 2012, Server 2012 R2, Server 2016, macOS v10.10.5, 10.11.x, 10.12.x.		
-	Sử dụng hộp mực in theo máy: 2600 trang		
5	Máy Scan A3	Cái	1
-	Cảm biến hình ảnh: CCD		
-	Nguồn sáng: LED		
-	Độ phân giải quang học: 600 dpi		
-	Chế độ quét: Màu: đầu vào 48 bit, đầu ra 24 bit; Xám: đầu vào 16 bit, đầu ra 8 bit; Đen trắng: 1 bit		
-	Độ sâu màu: Đầu vào 48 bit; Đầu ra 24 bit		
-	Tốc độ quét: 2,48 giây (Chế độ màu, 300dpi, A3); 2,10 giây (Chế độ xám/đen trắng, 300dpi, A3)		
-	Vùng quét (WxL): Tối đa: 304,8 mm x 431,8 mm (12" x 17"), A3		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Công suất quét hàng ngày (Tờ): 2500		
-	Nút chức năng: Scan, OCR, Copy, File, Email, Custom1 & Custom2		
-	Nguồn điện: 24 Vdc/ 1,25 A		
-	Điện năng tiêu thụ: < 24 W (Hoạt động), < 8 W (Rảnh)		
-	Giao diện kết nối: USB 2.0		
-	Chuẩn kết nối: Chuẩn TWAIN, WIA		
-	Hệ điều hành hỗ trợ: Windows 7 / 8 / 10 / 11; LINUX cho các nhà tích hợp hệ thống.		
-	Phần mềm đi kèm: DocAction; DocTWAIN		
-	OCR đi kèm: OCR cho Windows (Hoạt động trên nền tảng ABBYY® FineReader®)		
<b>I.2</b>	<b>Trang thiết bị phục vụ người dân</b>		
6	Kiosk lấy số thứ tự tự động (có tích hợp đọc CCCD + camera nhận diện)	Bộ	1
a	<b>MÀN HÌNH:</b>		
-	Kích thước màn hình: 24" TFT LED backlit.		
-	Độ phân giải: 1920*1080 Full HD, 16:9		
-	Độ sáng: 350 cd/m2		
-	Góc hiển thị: 16:9 / H/V: 170/170		
-	Độ tương phản: 1:3000		
-	Tuổi thọ: Hơn 70,000 hrs		
b	<b>CẢM ỨNG:</b>		
-	Công nghệ cảm ứng: cảm ứng điện dung đa điểm		
-	Số điểm cảm ứng:		
+	10 points cùng lúc		
+	Tối đa 17 triệu lần chạm trong mỗi trường ưu tiên		
-	Âm thanh: Có sẵn hệ thống loa 2x5W		
-	Có kính cường lực phía trước bảo vệ màn hình ≤ 1mm.		
-	Đèn LED thông báo tín hiệu màn hình		
-	Đèn hình phụ: Có đèn hình phụ dạng hộp LED dải chiếu sau, hiển thị thương hiệu.		
c	<b>MÁY TÍNH ĐIỀU KHIỂN:</b>		
-	Intel® Core™ i5-12400 (6 nhân / 12 luồng, Xung cơ bản: 2.5 GHz, Turbo tối đa: 4.4 GHz, Cache: 18MB Smart Cache)		
-	GPU Intel UHD Graphics 730		
-	SSD 500GB		
-	RAM 16GB bus 3200 DDR4Kết		
-	Kết nối trong/ Ngoài vỏ máy :		
-	Kết nối trong: 3xUSB 3.1, 2xUSB Type C, HDMI2.0b, USB-C (DP1.2), Wifi 6 AX210, Bluetooth 5.0, Audio 7.1 digital (HDMI mDP); L+R mic (F)		
-	Kết nối ngoài vỏ máy : Cổng mạng dây 1 x RJ-45 port/ Cổng USB 2.0; Ngõ cắm nguồn AC 220V		
d	<b>THIẾT BỊ NGOẠI VI:</b>		
*	<b>Máy in:</b>		
-	Công nghệ in: Nhiệt trực tiếp		
-	Tốc độ in: 300mm/s		
-	Khổ giấy: 58 / 72 / 76 / 80mm (mặc định 72mm)		
-	Độ phân giải: 203dpi		
-	Cắt giấy: Tự động (không Cắt đứt)		
-	Tuổi thọ: Đầu in 150km, dao cắt 1.500.000 lần		
-	Giao tiếp: USB + lan + COM		
-	Nguồn điện: 24V DC / 2.5A		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Mã vạch: 1D (UPC, EAN, CODE39, CODE128..) & 2D (QR, PDF417)		
-	Lệnh điều khiển: ESC/POS		
-	Hệ điều hành: Windows / Linux / iOS / Android / Mac		
-	Kích thước: 194.5 × 145 × 147 mm		
-	Trọng lượng: 1.0 kg		
-	Nhiệt độ làm việc: 0–45°C; Độ ẩm: 10–80%		
*	Máy đọc mã vạch 2D:		
-	Công nghệ: Chụp ảnh tuyến Tính (Imager)		
-	Tốc độ đọc: 120 in/s (~305 cm/s) với mã UPC 13mil		
-	Độ phân giải tối đa: 1280 × 800 pixels		
-	Hỗ trợ EAS: Checkpoint EAS deactivation system		
-	Aiming pattern: Vòng tròn, LED hồng ngoại 617nm		
-	Chiếu sáng: 660nm Hyper Red LEDs		
-	Báo hiệu: Buzzer		
-	Kết nối: USB, RS-232, RS-485 (IBM 46xx), Keyboard Wedge		
-	Kích thước: 145 × 86 × 83 mm (C × R × D)		
-	Trọng lượng: 318 g		
-	Độ bền: Chuẩn IP52, chịu rơi 1.5 m		
-	Hỗ trợ mã vạch: 1D & 2D		
*	Webcam:		
-	Cảm biến: 2 MP CMOS		
-	Độ phân giải: Full HD 1920×1080		
-	Tốc độ khung hình: 30 fps (MJPG), 5 fps (YUV)		
-	Ống kính: 3.6 mm cố định		
-	Góc nhìn (FOV): 86° ngang, 55° dọc, 95° chéo		
-	Lấy nét: 0.5 m ~ ∞		
-	Mic tích hợp: có		
-	Kết nối: USB 2.0 Type-A, plug & play		
-	Nguồn: 5V qua USB, ~1.2 W		
-	Kích thước: 80 × 49 × 42 mm		
-	Trọng lượng: ~89 g		
-	Nhiệt độ hoạt động: -10°C ~ 45°C, độ ẩm ≤90%		
*	Thiết bị đọc chip CCCD: (lỗ chờ nâng cấp thiết bị)		
-	Chức năng chính: Quét & phân tích MRZ (ICAO 9303, ID-1/2/3), phát hiện & so khớp khuôn mặt (Liveness), đọc & giải mã dữ liệu chip (DG1, DG2, DG13, DG14, DG15, SOD...), xác thực BAC/PACE/EAC, AA/CA, kiểm tra HASH, chữ ký số (DS), DSCert.		
-	Hệ điều hành & SDK: Hỗ trợ Windows, Linux, Android; SDK demo C#: ngôn ngữ phát triển C++, C#, Java; tính năng SDK: tự động nhận thẻ, phân tích MRZ, đọc chip, xác thực, nhận diện khuôn mặt.		
-	Kích thước: 110 × 100 × 45 mm; Trọng lượng: ~360 g; Màu: xám xanh/đen/trắng.		
-	Nguồn: USB 5V-500mA, công suất cực đại 2W.		
-	Nhiệt độ/Độ ẩm làm việc: 5°C – 40°C / 0 – 90%.		
-	Tần số vô tuyến: 13.56 MHz; Chuẩn thẻ: ISO/IEC 14443-3/4, 15693, 18092, MIFARE Classic/Ultralight.		
-	Tốc độ giao tiếp thẻ: 106/212/424/848 kbps; Thời gian đọc CCCD: <3s; So khớp khuôn mặt: <1s.		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Camera: Độ phân giải FHD, Auto Focus.		
-	Vỏ: Nhựa ABS Chuẩn RoHS.		
-	Giao tiếp máy tính: USB 2.0; Firmware nâng cấp qua USB/Online.		
e	<b>KHUNG MÁY:</b>		
-	Nhận diện thương hiệu theo, decal dán hướng dẫn an toàn.		
-	Khung giữ thép dập 2mm, thiết kế chịu lực.		
-	Bản lề vỏ thép dập 1.5mm, thiết kế bảo vệ thân máy, có sơn phủ tĩnh điện tùy chọn màu sắc.		
-	Các lỗ phi <5mm thoát nhiệt.		
-	2 hệ thống tản nhiệt than máy, hỗ trợ điều hướng		
-	Hệ thống di chuyển inox, ổ bi bạc lót, chất liệu PU, cao 100-150mm, ø50-100mm, n 30-50mm.		
-	Độ cao thiết bị ngoại vi: ~825mm tới ~1170mm, hỗ trợ thao tác sử dụng dịch vụ dễ dàng.		
-	Thiết kế định hình từ Đầu slot option các thiết bị thêm		
-	Cổng mở rộng hỗ trợ kết nối thiết bị tới 4 cổng, LED hiển thị kết nối, tốc độ truyền tải dữ liệu 5Gpbs.		
-	Nắp cửa sau bản lề trái, tích hợp khóa chống trộm thiết bị lắp sau		
-	Mặt trên nghiêm 165*, độ dày tối đa 80mm hỗ trợ thao tác cảm ứng		
-	Chiều sâu nở hậu 214mm		
f	<b>ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG:</b>		
-	Nhiệt độ hoạt động: 20°C-60°C,		
-	Lưu kho: 10°C-80°C		
-	Độ ẩm: 5% 95%		
-	Voltage: DC12V/3A		
g	<b>CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO:</b>		
-	Tạo hình bằng Laser CNC.		
-	Thép tĩnh điện chống gỉ, bền bỉ. tạo hình laser CNC, cắt dập máy tự động, hàn kín trong, kết cấu chống rung, chống giật		
-	Sơn phủ: Sơn tĩnh điện lớp, chống gỉ sét, chống trầy xước tốt, bóng đẹp, độ bền > 10 năm. Màu tùy chọn		
-	Chế Độ Chống giật chủ động.		
-	Tiêu chuẩn lắp ráp: ISO 9001-2015; ISO 14001-2015; ISO 45001-2018, ISO 27001-2013, tiêu chuẩn 5S, chứng nhận sản xuất tại Việt Nam 3.		
7	<b>Phần mềm quản lý trung tâm</b>	License	1
-	Điều khiển toàn bộ hệ thống xếp hàng tự động;		
-	Cài đặt thông tin phiếu thứ tự: Tên và Logo đơn vị; tên dịch vụ; ngày giờ lấy số; câu mời và hướng khách hàng trên phiếu.		
-	Phân luồng đối tượng: ưu tiên, khách lẻ, khách hẹn trước.		
-	Hiển thị đa thông tin màn hình trung tâm: Gán, thêm, bớt quầy; Hiển thị: logo và tên đơn vị; Chạy chữ, chạy Video quảng cáo.		
-	In, trích xuất giữ liệu qua các định dạng Excel, PDF ..		
-	Quản trị: Khởi tạo/ chỉnh sửa, xóa, phân quyền nhân viên, Quản trị phòng ban, lĩnh vực; thêm bớt Kiosk, màn hình trung tâm...		
-	Hỗ trợ gửi API tích hợp Phần mềm bệnh viện		
-	Phần mềm gọi số tại quầy cài trên máy tính tại quầy dịch vụ		
-	Thêm bớt; Nhân viên, quầy, lĩnh vực.		
-	Quản lý các tính năng modul gọi số tại quầy bằng máy tính		
-	Có tính năng cho phép xem báo cáo nhanh các giao dịch tại quầy.		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Tính năng gọi: Gọi số tiếp theo, gọi lại, gọi chèn số bất kỳ		
-	Quản lý số gọi nhỡ: Thêm số gọi nhỡ, gọi lại, xóa số gọi nhỡ.		
-	Chuyển số đang phục vụ sang quầy khác		
-	Lấy số mới: Lấy số thứ tự mới cho khách hàng.		
-	Thông báo cho nhân viên khi có số mới lấy và tổng số khách hàng đang chờ		
-	Chạy trên nền tảng Browser không cần cài đặt vào máy tính		
-	Tự động hoàn tất một giao dịch khi gọi số mới.		
-	Có tính năng quản lý tập trung từ cấp tỉnh/ thành tới phường/xã		
8	Màn hình hiển thị số thứ tự tập trung	Cái	1
-	Kích thước màn hình: 75 inch		
-	- Độ phân giải 3,840 x 2,160		
-	- Engine Hình ảnh: Crystal Processor 4K		
-	- One Billion Color: Yes		
-	- HDR (High Dynamic Range): HDR		
-	- Đầu ra âm thanh (RMS) : 20W		
-	- Loại loa: 2CH		
-	- Cloud Service: Microsoft 365		
-	- Kết nối: Wi-Fi (WiFi5), Bluetooth (BT5.2), 3 cổng HDMI, Anynet+ (HDMI-CEC), 2 cổng USB, Ethernet (LAN), Cổng Digital Audio Out (Optical), RF In (Terrestrial / Cable input) 1/1(Common Use for Terrestrial)/0, HDMI A / Return Ch. Support, eARC (HDMI 2), HDMI Quick Switch.		
-	- IPv6 Support		
9	Tấm led hiển thị số tại quầy	Cái	6
-	Kết nối: RJ45		
-	Led ma trận hiển thị 4 chữ số / hàng nếu hiển thị 1 hàng, 8 chữ số/ hàng nếu hiển thị 2 hàng.		
-	Sử dụng LED ma trận full color, màu hiển thị tùy chọn. Khoảng cách giữ hai điểm ảnh (bóng led) là 5mm		
-	Độ phân giải: 32 x 64 Pixels		
-	Hiển thị số thứ tự đang phục vụ, chữ Tạm ghi khi tạm dừng phục vụ, cấu hình nhấp nháy khi đổi số		
-	Kích thước: 340 x 180 x 35 mm (WxHxD) Hỗ trợ cấu hình nhấp nháy khi thay đổi số Màu sắc: đen hoặc trắng Điện áp sử dụng: 5VDC		
10	Bộ khuếch đại (Amplify)	Cái	1
-	Công suất 60W		
-	Tổng trở 4-8 ôm		
-	Điện áp 220v		
11	Loa thông báo	Bộ	1
-	Công suất 60W		
-	Trở kháng 8 ôm		
-	Độ nhạy 75db		
12	Kiosk tra cứu thông tin kết hợp đánh giá chất lượng phục vụ	Bộ	1
a	MÀN HÌNH:		
-	Kích thước màn hình: 32" TFT LED backlit.		
-	Độ phân giải: 1920*1080 Full HD, 16:9.		
-	Độ Sáng: 350 cd/m2		
-	Góc hiển thị: 16:9 / H/V: 170/170		
-	Độ tương phản 3000:1		
-	Tuổi thọ: Hơn 70,000 hrs		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Công nghệ cảm ứng: Cảm ứng điện dung đa điểm		
-	Số điểm cảm ứng: 10 points cùng lúc		
-	Số điểm cảm ứng: Tối đa 17 triệu lần chạm trong mỗi trường ưu tiên.		
-	Âm thanh: Có sẵn hệ thống loa 2x5W		
-	Có kính cường lực phía trước bảo vệ màn hình $\leq 1\text{mm}$ .		
-	Đèn LED thông báo tín hiệu màn hình		
-	Đèn hình phụ: Có đèn hình phụ dạng hộp LED dài chiếu sau, hiển thị thương hiệu.		
b	<b>MÁY TÍNH ĐIỀU KHIỂN:</b>		
-	Intel® Core™ i5-12400 (6 nhân / 12 luồng, Xung cơ bản:2.5 GHz, Turbo tối đa: 4.4 GHz, Cache: 18MB SmartCache)		
-	GPU Intel UHD Graphics 730		
-	SSD 500GB		
-	RAM 16GB bus 3200 DDR4		
-	Kết nối trong/ Ngoài vỏ máy :		
-	Kết nối trong: 3xUSB 3.1, 2xUSB Type C, HDMI2.0b, USB-C (DP1.2),Wifi 6 AX210, Bluetooth 5.0, Audio 7.1 digital (HDMI DP); L+R mic (F)		
-	Kết nối ngoài vỏ máy : Cổng mạng dây 1 x RJ-45 port/ Cổng USB 2.0; Ngõ cắm nguồn AC 220V		
c	<b>THIẾT BỊ NGOẠI VI:</b>		
*	<b>Máy in: (lỗ chờ nâng cấp thiết bị)</b>		
-	Công nghệ in: Nhiệt trực tiếp		
-	Tốc độ in: 300mm/s		
-	Khổ giấy: 58 / 72 / 76 / 80mm (mặc định 72mm)		
-	Độ phân giải: 203dpi		
-	Cắt giấy: Tự động (không cắt đứt)		
-	Tuổi thọ: Đầu in 150km, dao cắt 1.500.000 lần		
-	Giao tiếp: USB + LAN + COM		
-	Nguồn điện: 24V DC / 2.5A		
-	Mã vạch: 1D (UPC, EAN, CODE39, CODE128...) & 2D (QR, PDF417)		
-	Lệnh điều khiển: ESC/POS		
-	Hệ điều hành: Windows / Linux / iOS / Android / Mac		
-	Kích thước: 194.5 × 145 × 147 mm		
-	Trọng lượng: 1.0 kg		
-	Nhiệt độ làm việc: 0–45°C; Độ ẩm: 10–80%		
*	<b>Máy đọc mã vạch 2D: (lỗ chờ nâng cấp thiết bị)</b>		
-	Công nghệ: Chụp ảnh tuyến tính (Imager)		
-	Tốc độ đọc: 120 in/s (~305 cm/s) với mã UPC 13mil		
-	Độ phân giải tối đa: 1280 × 800 pixels		
-	Hỗ trợ EAS: Checkpoint EAS deactivation system		
-	Aiming pattern: Vòng tròn, LED hồng phách 617nm		
-	Chiếu sáng: 660nm Hyper Red LEDs		
-	Báo hiệu: Beeper		
-	Kết nối: USB, RS-232, RS-485 (IBM 46xx), Keyboard Wedge		
-	Kích thước: 145 × 86 × 83 mm (C × R × D)		
-	Trọng lượng: 318 g		
-	Độ bền: Chuẩn IP52, chịu rơi 1.5 m		
-	Hỗ trợ mã vạch: 1D & 2D		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
d	<b>KHUNG MÁY:</b>		
-	Nhận diện thương hiệu theo, decal dán hướng dẫn an toàn.		
-	Khung giữ thép dập 2mm, thiết kế chịu lực.		
-	Bản lề vỏ thép dập 1.5mm, thiết kế bảo vệ thân máy, có sơn phủ tĩnh điện tùy chọn màu sắc.		
-	Các lỗ phi <5mm thoát nhiệt.		
-	2 hệ thống tản nhiệt than máy, hỗ trợ điều hướng		
-	Hệ thống di chuyển inox, ổ bi bạc lót, chất liệu PU, cao 100-150mm, ø 50-100mm, n 30-50mm.		
-	Độ cao thiết bị ngoại vi: ~825mm tới ~1170mm, hỗ trợ thao tác sử dụng dịch vụ dễ dàng.		
-	Thiết kế định hình từ đầu slot option các thiết bị thêm		
-	Cổng mở rộng hỗ trợ kết nối thiết bị tới 4 cổng, LED hiển thị kết nối, tốc độ truyền tải dữ liệu 5Gpbs.		
-	Nắp cửa sau bản lề trái, tích hợp khóa chống trộm thiết bị lắp sau		
-	Mặt trên nghiêm 165*, độ dày tối đa 80mm hỗ trợ thao tác cảm ứng		
-	Chiều sâu nở hậu 214mm		
e	<b>ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG:</b>		
-	Nhiệt độ hoạt động: 20°C-60°C,		
-	Lưu kho: 10°C-80°C		
-	Độ ẩm: 5% 95%		
-	Voltage: DC12V/3A		
-	<b>CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO:</b>		
-	Tạo hình bằng Laser CNC.		
-	Thép tĩnh điện chống gỉ, bền bỉ. tạo hình laser CNC, cắt dập máy tự động, hàn kín trong, kết cấu chống rung, chống giật		
-	Sơn phủ: Sơn tĩnh điện lớp, chống gỉ sét, chống trầy xước tốt, bóng đẹp, độ bền > 10 năm. Màu tùy chọn		
-	Chế độ chống giật chủ động.		
-	Tiêu chuẩn lắp ráp: ISO 9001-2015; ISO 14001-2015; ISO 45001-2018, ISO 27001-2013, tiêu chuẩn 5S, chứng nhận sản xuất tại Việt Nam		
13	<b>Bàn ký điện tử</b>	Bộ	1
-	Màn hình đơn sắc 4" (10,4 cm) sử dụng công nghệ TFT (Thin-Film Transistor) với đèn nền, cho hình ảnh rõ nét và ổn định		
-	Thiết kế phẳng, nhẹ, tiết kiệm chi phí – phù hợp cho cả môi trường làm việc cố định và di động		
-	Chế độ bảo mật hiển thị chữ ký theo thời gian thực ngay trên màn hình		
-	Tích hợp công nghệ mã hóa RSA độc quyền, tạo và mã hóa chữ ký điện tử ngay bên trong thiết bị		
-	Ghi nhận chữ ký với tần số 500 Hz, thu thập dữ liệu chính xác theo 4 chiều: vị trí (x, y), lực nhấn (z) và thời gian (t) – với 1.024 mức độ lực nhấn		
-	Không cần sử dụng bút chuyên dụng, dễ dàng thay thế với chi phí thấp		
-	Bút ký không dùng pin, đầu bút có thể thay thế được		
-	Kèm cáp USB, bút ký và dây buộc thiết bị		
-	Hình ảnh chờ: 1 hình ảnh tĩnh		
-	Vùng ký hiệu dụng: 91 x 45 mm		
-	Độ phân giải cảm biến: 4.096 x 4.096 pixels / 2.214 x 1.130 ppi		
-	Độ tuyến tính: ±1,5% theo các hướng x, y và z		
14	<b>Ghế ngồi chờ cho công dân</b>	Cái	15
-	Ghế gấp khung ống thép Ø22 sơn tĩnh điện màu ghi, đệm tựa mút bọc PVC		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Óp tựa bằng tôn.		
-	Kích thước: W440*D515*H835mm		
15	Bàn ghế nệm hồ sơ trực tuyến	Bộ	1
-	Chất liệu khung MDF lõi xanh chống ẩm phủ Melamin 335EV KT 1100 x750x800mm		
-	Ghế thiết kế chân sắt bọc bìa		
-	Thi Công lắp đặt hoàn thiện		
<b>I.3</b>	<b>Thiết bị dùng chung</b>		
16	Máy điều hòa	Cái	5
-	Điều hòa nhiệt độ một chiều:		
-	Công suất định danh (Btu/h): 17,100		
-	Nguồn điện: 1 pha, 220V, 50Hz		
-	Dòng điện định mức (A): 7,9		
-	Điện năng tiêu thụ định mức (W): 1,630		
-	CSPF: 3,27		
-	Làm lạnh nhanh; vận hành êm ái; Đảo gió tự động; Lưu lượng gió chính xác; Tinh lọc không khí.		
-	Dàn lạnh: FTF50XV1V		
+	Mặt nạ: Màu trắng		
+	Lưu lượng gió (m <sup>2</sup> /phút): Cao Trung bình Thấp (18,1 15,0 11,9)		
+	Tốc độ quạt: 5 cấp tự động		
+	Độ ồn (dB(A)): Cao/Trung bình/Thấp (45/40/35)		
+	Kích thước (mm): Cao x Rộng x Dày (295 x 990 x 263)		
+	Khối lượng (kg): 13		
-	Dàn nóng: RF50XV1V		
+	Màu vỏ máy: Trắng ngà		
+	Máy nén: Rotary dạng kín; Công suất đầu ra (W): 1,320		
+	Ga: R-32; Khối lượng nạp (kg): 0,73		
+	Độ ồn (dB(A)): 52		
+	Giới hạn hoạt động (oCDB): 19,4 đến 46		
<b>I.4</b>	<b>Phụ kiện</b>		
17	Bộ giải mã hình ảnh Android TVbox Samplay A98Pro	Bộ	1
-	CPU Dual-core Arm® Cortex®-A72 @ 2.0 GHz		
-	Quad-core Arm® Cortex®-A53 @ 1.5 GHz		
-	GPU Arm® Mali™-T860 MP4 GPU @ 800 MHz		
-	Display 1 x HDMI™ with CEC hardware ready		
-	1 x USB Type-C® (DP Alt Mode)		
-	1 x 22-pin MIPI DSI (4 lanes)		
-	Memory Size Dual-CH LPDDR4 2GB / 4GB		
-	Storage 16GB eMMC		
-	Micro SD(TF) card slot (push/pull)		
-	Connectivity 1 x RTL8211F-CG GbE LAN		
-	1 x M.2 802.11 a/b/g/n/ac wireless & BT 5.0 (2T2R)		
-	Audio 1 x HDMI™ audio output		
-	1 x S/PDIF TX pin (from GPIO)		
-	1 x PCM/I2S pins (from GPIO)		
-	USB 3 x USB 3.2 Gen1 Type-A ports		
-	1 x USB 3.2 Gen1 Type-C® OTG port		
-	Camera Interface 1 x 15-pin MIPI CSI-2 (2 lane)		
-	Internal Headers 1 x 40-pin headers include		
18	Bộ chia mạng	Cái	1
-	24 cổng 10/100/1000BASE-T		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Tốc độ chuyển mạch: 48Gbps		
-	Tốc độ chuyển gói tin: 35.71Mpps		
-	Half-duplex, full-duplex, auto-negotiation mode, support auto MDI/MDIX		
-	Hỗ trợ 4 mode: Flow Control On, Flow Control Off, Port Isolation, Extend Data Transmission-10Mbps.		
-	MAC: 8K		
19	Dây điện	m	100
-	Mặt cắt: 2x1.0 mm <sup>2</sup>		
-	Số sợi: 30		
-	Đường kính sợi danh nghĩa 0.22 mm		
-	Chiều dày cách điện PVC: 0.6 mm		
-	Chiều dày vỏ bọc PVC: 0.8 mm		
-	Đường kính ngoài: 6.7 mm		
20	Cáp mạng	m	100
-	ANSI/TIA Category 5e		
-	Cable Component Type Horizontal		
-	Cable Type U/UTP (unshielded)		
-	Conductor Type, singles Solid		
-	Conductors, quantity 8		
-	Jacket Color White		
-	Pairs, quantity 4		
-	Transmission Standards ANSI/TIA-568.2-D   CENELEC EN 50288-6-1  ISO/IEC 11801 Class D		
-	Cable Length 304.8 m  1000 ft		
21	Ống gen	m	48
-	Ống gen mềm D20 (Tạm tính)		
<b>II</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ LÀM VIỆC CỦA CÁN BỘ CÔNG CHỨC XÃ</b>		
22	Bàn làm việc	Cái	3
-	Bàn làm việc bằng gỗ công nghiệp phủ Melamine cao cấp, yếm gỗ, khung thép tam giác		
-	Bề mặt gỗ công nghiệp chống xước, chống cháy, chống nước nhẹ, dễ lau chùi, vệ sinh		
+	Mặt bàn lượn cong ốp gỗ sơn trang trí, có lỗ đi dây điện mạng		
+	Yếm bàn trường phòng có nẹp nhôm trang trí		
+	Kích thước : W1800 x D2000 x H750 mm		
23	Máy tính để bàn	Bộ	10
-	Hệ điều hành Windows 11 Home bản quyền		
-	Vi xử lý: Intel® Core™ i5-14500 Processor 2.6GHz (24MB Cache, up to 5.0GHz, 14 cores, 20 Threads)		
-	Chipset Intel® B760 Chipset, đồng bộ thương hiệu		
-	Bộ nhớ trong (RAM): 16GB, khả năng nâng cấp RAM lên đến 128GB		
-	Ổ cứng (SSD): 512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD;		
-	Đồ họa (VGA): Intel® UHD Graphics 770		
-	Âm thanh (Audio): High Definition 7.1 Channel Audio		
-	Cổng kết nối Mặt sau: 1x RJ45 Gigabit Ethernet; 1x HDMI 1.4; 1x VGA Port; 1x Displayport 1.4; 1x 7.1 channel audio (microphone, line-out, Line-in); 1x Kensington lock; 1x Padlock loop; 3x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A; 1x FLEX I/O port (HDMI 2.1 TMDS)		
-	Cổng kết nối Mặt trước: 1x Headphone; 1x 3.5 mm combo audio jack (Mic in or Headphone out); 2x USB 2.0 Type-A; 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A; 1x USB 3.2 Gen 2*2 Type-C		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Khe cắm mở rộng: 1x PCIe® 4.0 x 16; 2x PCIe® 3.0 x 1; 1x M.2 2230 connector for storage; 1x M.2 2280 connector for storage; 1x M.2 connector for WiFi; 4x DDR5 U-DIMM slot		
-	Kết nối mạng: 1x RJ45 Gigabit Ethernet		
-	Bảo Mật:		
+	Trusted Platform Module 2.0 (TPM 2.0);		
+	Chống mất cắp phần cứng với khe khóa Kensington Lock và Loop Lock;		
+	Tạo mật khẩu BIOS phân cấp Admin và User;		
+	Tạo mật khẩu OPAL để bảo vệ dữ liệu ổ cứng;		
+	Tính năng xóa toàn bộ dữ liệu ổ cứng không thể khôi phục chỉ trong một lần;		
+	Sử dụng danh các khóa và chữ ký để xác thực tính toàn vẹn hệ thống.;		
+	Hỗ trợ chống lại tấn công DMA (Direct Memory Access);		
+	Hỗ trợ chống can thiệp hoặc thay đổi trái phép firmware và BIOS. Hệ thống hiện cảnh báo khi phát hiện có sự thay đổi hoặc can thiệp. Những sự kiện firmware hoặc BIOS bị can thiệp sẽ được ghi lại trên Nhật ký hệ thống.;		
+	Có thể xem lại các sự kiện tại Nhật ký hệ thống từ trong BIOS để phân tích nguyên nhân lỗi.;		
+	Tự động phục hồi lại BIOS khi BIOS bị lỗi hoặc bị tấn công. Bản phục hồi BIOS được lưu trữ ẩn trong ổ cứng. Tính năng cho phép khôi phục hệ điều hành gốc của máy bằng bản cài được tải trực tiếp từ server của hãng sản xuất thông qua giao diện BIOS, đơn giản hóa việc reset thiết bị về nguyên bản. Đảm bảo an toàn & chính xác khi khôi phục. Phần mềm chính hãng cho phép tùy chỉnh thiết lập BIOS ngay trong môi trường Windows và WinPE. Hỗ trợ giao diện dòng lệnh và giao diện đồ họa. Có tích hợp công cụ tìm kiếm tính năng BIOS.		
-	Các tính năng AI		
+	Chạy phụ đề và phiên dịch ngoại ngữ trên màn hình		
+	Ghi chép đầy đủ và tóm tắt lại cuộc họp		
+	Hỗ trợ nhận diện và đặt tên nhiều giọng nói khác nhau		
+	Hỗ trợ hiện dấu mờ bản quyền khi chia sẻ màn hình		
-	Chúng nhận Chứng nhận: Energy star 8.0, EPEAT Khác Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015, 14001:2015, IECQ QC 080000:2017 Certificate; ISO 45001:2018, ISO/IEC 27001:2013, Chuẩn độ bền quân đội Mỹ MIL-STD 810H		
-	Phụ kiện:chuột, bàn phím đồng bộ đi kèm		
24	Màn hình máy tính để bàn	Cái	10
-	Kích thước màn hình: 21.5 inch;		
-	Độ phân giải Full HD (1920x1080); Tỷ lệ 16:9;		
-	Độ sáng 250 cd/m <sup>2</sup> ;		
-	Màu sắc hiển thị 16.7 triệu màu;		
-	Độ tương phản 100,000,000: 1;		
-	Tần số quét 100Hz;		
-	Cổng kết nối HDMI, D-Sub (VGA);		
-	Thời gian đáp ứng 1ms; Góc nhìn 178 ° / 178 °;		
-	-Tính năng:		
+	Công nghệ không theo dõi		
+	Công nghệ SPLendid		
+	8 Chế độ hiển thị		
+	Nhiệt độ màu Lựa chọn: Có (4 chế độ)		
+	HDCP: Có		
+	Adaptive-Sync: có (48-100Hz)		
+	Bộ lọc ánh sáng xanh có thể điều chỉnh và công nghệ ASUS Flicker Free được chứng nhận từ TÜV Rheinland mang lại cảm giác tốt nhất cho mắt giảm mỏi và khô.		
25	Máy in	Cái	3

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Tốc độ in (A4): 48 trang / phút		
-	Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi		
-	Thời gian in trang đầu tiên (từ chế độ sẵn sàng): ≤ 6.7 giây		
-	Khay giấy vào: 250 tờ		
-	Khay nạp giấy thủ công: 100 tờ		
-	Khay giấy ra: 150 tờ		
-	Kích thước giấy: A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, A4 (Short)/270 mm, Folio, 16K		
-	Định lượng giấy (khay nạp giấy thủ công): 60 – 230 gsm		
-	Tốc độ bộ xử lý: Cortex-A53 1.2GHz Dual Core		
-	Bộ nhớ: 1GB		
-	Màn hình: 16 ký tự x 1 dòng		
-	Giao tiếp: Hi-Speed USB 2.0, 10Base-T/100BaseTX/1000Base-T		
-	Giải Pháp Di Động: AirPrint, Mopria		
-	Sử dụng hộp mực in theo máy: Đen 3,000 trang		
-	Công suất in hàng tháng: 90,000 trang		
26	Tủ đựng hồ sơ tài liệu	Cái	3
-	Chất liệu khung: MDF lõi xanh chống ẩm phủ Melamin 335EV.		
-	Kích thước: 400x2100mm		
-	Thi Công lắp đặt hoàn thiện		
27	Máy quét 2 mặt	Cái	5
-	Công nghệ: Dual CIS		
-	Giao Diện: Hi-Speed USB 3.0, USB Host (lên đến 128 GB), 10Base-T/100Base-TX Ethernet		
-	Bộ nhớ: 512MB		
-	Tốc độ scan: 40 ppm/ 80 ipm (300 dpi)		
-	Khay nạp giấy tự động: 80 tờ		
-	Định lượng giấy: 40 200 gsm		
-	Scan thẻ nhựa: độ dày 1.32 mm		
-	Độ phân giải quang học: 600 x 600 dpi		
-	Độ phân giải nội suy: 1200 x 1200 dpi		
-	Chức năng scan: Scan to PC, Scan to USB Host, Network (SMB), FTP/SFTP, Tự động chỉnh trang nghiêng, Nhận biết hiệu chỉnh kích thước trang, Tự động xoay hình ảnh, Tự động bỏ trang trắng, Loại bỏ màu sắc mong muốn, Tự động xóa đường thẳng dọc, Tự động xóa vết lốm đốm, Tự động xóa vết đục lỗ, Carrier Sheet Mode		
-	Hỗ trợ scan giấy A3, Chế độ scan thẻ nhựa, Phát hiện kẹt giấy bằng sóng âm, Công tắc bật tắt chế độ scan giấy mỏng, dày, Scan 1 trang thành 2 trang, Scan 2 trang thành 1 trang, Tách bộ bằng Barcode, Scan giấy dài lên đến 5000 mm		
-	Hỗ trợ scan qua thiết bị di động Android/iOS		
-	Hỗ trợ giao thức Airprint Scan		
-	Hỗ trợ tạo sẵn lên đến 25 profile và có thể gán vào 3 phím cứng trên bảng điều khiển		
-	Định dạng hỗ trợ: PDF (single, multi, PDF/A-1b, secured, signed), JPEG, TIFF (single, multi)		
-	Phần mềm đi kèm: Kofax PaperPort, Kofax Power PDF Standard v3		
-	Hỗ trợ khóa Kensington Lock		
-	Hỗ trợ tính năng lọc địa chỉ IP người dùng truy cập đến máy scan		
-	Công suất scan hàng ngày: 6,000 tờ		
-	Công suất scan hàng tháng: 120,000 tờ		
-	Chứng chỉ: RoHS, GS Mark, WHQL, Kofax		
28	Máy hủy tài liệu	Cái	1
-	Công suất (Watt): 275		
-	Loại động cơ: DC (động cơ một chiều)		
-	Trữ lượng giấy hủy (A4, 80g): Tự động: 120 tờ/lần, Thủ công: 10 tờ/lần		

STT	Tên, đặc điểm trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	2	3	4
-	Khả năng hủy: Giấy, ghim, thẻ tín dụng, đĩa CD/DVD		
-	Kiểu Hủy: Sợi		
-	Chiều rộng đầu vào (mm): 220		
-	Kích thước hủy (mm): 4*12		
-	Bảo mật: P-4		
-	Tốc độ hủy giấy định mức/ phút: 1,8		
-	Kiểu cảm biến: Sensor		
-	Thời gian làm việc liên tục (phút): Tự động: 30, Thủ công: 10		
-	Thời gian làm mát (phút): 60		
-	Báo quá nhiệt: Có		
-	Báo quá tải lượng: Có		
-	Báo thùng đầy: Có		
-	Chức năng đảo ngược: Tự động		
-	Dung tích (lít): 23		
-	Độ ồn (db): 62		
-	Kiểu thùng: Kéo ra		
-	Bánh xe: Có		
-	Kiểu công tắc chức năng: Nút bấm		
29	Giá đựng tài liệu	Cái	4
-	Hòa phát		
-	Giá sắt đựng tập File tài liệu		
-	Giá có 3 đợt di động chia thành 4 tầng để tài liệu		
	<b>TỔNG CỘNG</b>		